

Bản án số: 982/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2019.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 649/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1981; Địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lại Văn H, sinh năm: 1977; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 3 năm 2019, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày bà và ông Lại Văn H tự nguyện sống chung từ năm 2000, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 123 ngày 25 tháng 12 năm 2000.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Nhưng càng về sau thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không ai nhường nhịn ai nên thường xuyên cãi vã, làm cho gia đình mất hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà đã cố gắng để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Nay bà xác định bà và ông H không thể tiếp tục sống chung được và bà nhận thấy không còn tình cảm với ông H nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà xác định bà và ông H có 02 con chung tên Lại Chí H, sinh ngày: 15/6/2001 và Lại Nam Hưng T, sinh ngày: 12/3/2009. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi trẻ Hưng T và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Bà xác định không tranh chấp.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Lại Văn H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 3 năm 2019, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là ông Lại Văn H có nơi cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Đối với nguyên đơn là bà Phạm Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Đối với bị đơn là ông Lại Văn H, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tại đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 3 năm 2019, bà Phạm Thị L yêu cầu ly hôn với ông Lại Văn H. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là tự nguyện, bà L và ông H chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 123 ngày 25 tháng 12 năm 2000, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không ai nhường nhịn ai nên thường xuyên cãi vã, làm cho gia đình mất hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà đã cố gắng để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy không có cơ sở hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông H là có xảy ra, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, giấy khai sinh (bản sao) số 119 Quyền số 01/2001 ngày 06/7/2001 và giấy khai sinh (bản sao) số 78 Quyền số 01/2009 ngày 23/3/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Hội đồng xét xử xác định bà L và ông H có 02 con chung tên: Lại Chí H, sinh ngày: 15/6/2001 và Lại Nam Hưng T, sinh ngày: 12/3/2009. Tại đơn khởi kiện, bà Lyêu cầu được quyền trực tiếp nuôi trẻ Hưng T. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định đối với yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, đồng thời tại bản tự khai ngày 18/6/2019 của trẻ Hưng T thể hiện trẻ hiện đang sống chung với bà L và có nguyện vọng tiếp tục sống chung với bà L. Đối với trẻ Chí H, tại thời điểm xét xử đã tròn 18 tuổi, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Để ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà L về việc nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện, bà L xác định không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

Xét về chia tài sản và nghĩa vụ dân sự chung, nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Thị L.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Lại Văn H.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị L và ông Lại Văn H được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 123 ngày 25 tháng 12 năm 2000 do Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp)

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên: Lại Nam Hưng T, sinh ngày: 12/3/2009 cho bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Phạm Thị L phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2018/0025570 ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thơ